



wén yuàn

文苑

noun · literary world; literary circles

Example Sentences

tā zài wén yuàn zhōng hěn yǒu míng qì
他在文苑中很有名气。

He is quite famous in literary circles.

wén yuàn xīn rén bù duàn yǒng xiàn
文苑新人不断涌现。

New talents keep emerging in the literary world.

zhè bù xiǎo shuō zài wén yuàn yǐn qǐ hōng dòng
这部小说在文苑引起轰动。

This novel caused a sensation in literary circles.

Trace each character, then write the word on your own.

文	文	文	文	文	文	文														
苑	苑	苑	苑	苑	苑	苑	苑	苑	苑	苑	苑									